



# MỘT GIA ĐÌNH KHOA BẢNG NỔI TIẾNG

NGỌC HIÊN HIÊN

Làng Phù Chánh xưa (nay thuộc xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình) tựa lưng vào một dải đồng cát có tên là “Bạch Sơn”, trải dài theo bờ biển và con đường thiên lý Bắc - Nam. Giữa làng là một hồ nước ngọt trong xanh và sen mọc đầy hồ, hương thơm tỏa ngát. Phù Chánh là một làng cát nghèo mà dân làng thường bị bệnh “chân voi” (chân bị sưng phù to) do người dân đi chân đất và bị một loài giun chỉ xâm nhập vào máu. Tuy nhiên, làng này có dòng họ Nguyễn Đăng, vốn có nhiều người học hành đỗ đạt cao, rất đáng ca ngợi.

Theo thuyết phong thủy thì dải Bạch Sơn này có hình dáng một đàn voi châu về Phù Chánh, một con châu về xóm Phù Lưu, một con châu về xóm Đăng Tuấn, một con châu về xóm Trầm Cát, một con châu về xóm Trầm Phát Lát. Bốn con voi này đời đời gìn giữ tinh hoa của làng xóm, vun đắp sự sinh tồn của nhân dân. Cho nên, làng đã có những con người tuần kiệt.

Ca dao làng Phù Chánh có bài:

*Hậu làng đại hải Bạch Sơn,*

*Tiền làng đại lộ thông thương trong ngoài,*

*Giữa làng tâm tượng bất sai,*

*Thiên thu từng quốc nào ai dám bì  
Ngoại giang điền nhất thổ nhì,  
Tứ câu tam nguyệt bá thì muôn xuân, ...*

Làng Phù Chánh có nhiều phong tục đẹp, trong đó có tục “khuyến học” để cổ vũ con em học hành, gọi là “Hội làm học trò”. Làng thường tổ chức thi văn thơ vào dịp đầu xuân và có phần thưởng xứng đáng cho những người làm thơ hay trong làng.

Người khởi đầu sự vinh hiển cho dòng họ là cụ Nguyễn Đăng Tuấn, đỗ Cử nhân năm đầu niên hiệu Gia Long (1802) và được thụ chức Hàn Lâm viện. Năm đầu niên hiệu Minh Mạng (1820) được giữ chức Quân văn Thư phòng, rồi được thăng Cai bạ tỉnh Quảng Nam, lại đổi về Lễ bộ Hữu tham tri, rồi chức Tư Giảng ở Công phủ, sung Giáo đạo Hoàng tử, Hoàng đệ (dạy con em của vua) và nhiều chức vụ khác, ... Nhưng sau đó bị bệnh, cụ xin về hưu. Trong thời gian tại chức, cụ có lần dâng sớ lên nhà vua xin dưỡng sức cho dân, dừng các việc nặng nhọc cho dân để đề phòng tai biến, ... Lúc nghỉ hưu, có mấy lần vua mời vào kinh làm việc lại nhưng cụ đều từ chối. Cụ mất ở nhà, thọ 73 tuổi, được vua tặng Thiếu sư, tên thụy là Văn Chính.

Vua dụ tứ tế và có ngự chế thi văn, cho chạm bia, dựng đình nơi mộ địa. Đầu năm Tự Đức (1848), mang quan dụ tế và có ngự chế thơ để khuyến tướng.

Con trai của cụ Nguyễn Đăng Tuân là Nguyễn Đăng Giai, thi đỗ Hương cống khoa Ất Dậu (1825). Đời vua Minh Mạng thứ 6, ông có nhiều tài lược, được cử làm Tổng đốc Ninh - Thái - Sơn - Hưng - Tuyên. Ông làm quan trải qua mấy tỉnh lớn, dẹp được trộm cướp, làm cho dân tình yên ổn, huân vọng vẻ vang. Đầu niên hiệu Tự Đức, việc bang giao quốc kế, ông có công rất nhiều, được thăng đến Hiệp Biện Đại Học Sĩ, sung Hữu kỳ kinh lược Đại sứ, sau rồi lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh. Ông mất khi còn tại chức, được vua tặng Thiếu Bảo. Năm Tự Đức thứ 11 (1858), được liệt vào đền Hiền Lương.

Con trai của ông Nguyễn Đăng Giai là Nguyễn Đăng Hành. Đời vua Thiệu Trị thứ 3 (1843 - Quý Mão) có khoa thi Hương trường Thừa Thiên, Nguyễn Đăng Hành đỗ Cử nhân thứ hạng nhì. Nhà vua ban rằng: “Thầy Thận Trai (tức Nguyễn Đăng Tuân) là thầy của ta lúc ở tiếm đế, nay tuổi già về dưỡng nhơn. Con trưởng là Nguyễn Đăng Giai làm Tổng ba tỉnh, tiếng giỏi khen rầm. Nay cháu là Đăng Hành, nói giỏi nghiệp nhà, ta khá khen lắm”, rồi ban cho một bài thơ đặt vinh hiển.

Khoa Mậu Thân (1848), niên hiệu Tự Đức năm đầu, Nguyễn Đăng Hành thi đỗ “đồng Tiến sỹ xuất thân”, được cử làm quan Bộ Chính sứ. Năm Tự Đức thứ 15 (1862), ông được vua cử ra dẹp Bắc phi, bị trận vong, mất tại chức, được vua gia tặng “Tuất”.

Con trai của Nguyễn Đăng Hành là Nguyễn Đăng Cù, ông thi đỗ Cử nhân khoa Giáp Thân, năm Kiến Phúc thứ nhất (1884), sau được bổ làm Tri huyện.

Con trai của Nguyễn Đăng Cù là Nguyễn Đăng Cự. Lúc còn nhỏ, Cự được theo học với

Cử nhân thủ khoa Lê Văn Diễn ở làng Lộc An (nay thuộc xã An Thủy). Lê Văn Diễn được bổ làm Huấn đạo rồi Tri huyện. Nhưng vì ông chống lại quan trên nên ông bị cách chức, ông về quê mở trường dạy học và được học trò theo học rất đông. Một hôm, ông Diễn dẫn học trò đi chơi rồi cùng nhau ngồi nghỉ ở một cái cống ở đường làng, Lê Văn Diễn đã chỉ tay lên trời và ra một vế đối cho học trò như sau: “Chiều thiết nhim (dâm mát), chim thiết nhiều”. Đây là một vế đối chơi chữ nói lái, rất khó. Trong lúc cả lớp đang suy nghĩ thì Cự xin đối: “Công cả đá, cá cả đồng”, thật là một vế đối rất chuẩn. Thấy vế đối cùng dung cách nói lái rất cân chỉnh và sát thực tế nên được bạn bè và thầy giáo rất khen ngợi. Từ đó, thầy Lê Văn Diễn để ý kèm cặp, giúp đỡ đặc biệt cho Đăng Cự để trở thành người xuất chúng. Quả nhiên, khoa thi Hương năm Mậu Ngọ, đời Khải Định thứ ba (1818), trường Thừa Thiên, Nguyễn Đăng Cự đỗ Cử nhân thứ hạng 11. Năm sau, ông thi Hội và đỗ Phó bảng.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, giữa lúc Đăng Cự đang hoang mang thì Chính phủ nước Việt Nam mới mời vị Phó bảng này ra làm việc. Thấy thời cục đã biến đổi, chính quyền đã về tay nhân dân, Nguyễn Đăng Cự rất phấn khởi và vui vẻ nhận lời, sau đó cùng lên chiến khu để đóng góp tài sức của mình cho cách mạng.

Trải qua mấy đời nối tiếp nhau, dòng họ Nguyễn Đăng làng Phù Chánh đã có một vị đỗ Tiến sỹ, một vị Phó bảng, ba vị Cử nhân. Tất cả đều là những ông quan có tài, công minh chính trực và có những đóng góp nhất định vào sự phát triển của đất nước.

Dòng họ Nguyễn Đăng làng Phù Chánh có thể sánh với dòng họ Nguyễn Duy ở làng Lý Hòa, một dòng họ khoa giáp nổi tiếng đã làm rạng danh cho Quảng Bình “địa linh nhân kiệt”.

N.H.H